

**CÔNG TY TNHH ĐÔNG THĂNG HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÔNG THĂNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108639761

**3. Ngày thành lập:** 08/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hương Đình, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                | 4211        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 3.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                     | 4221        |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 5.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                     | 4291        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                   | 4299        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                            | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp | 4669(Chính) |
| 13. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                            | 3900        |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4752        |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                        | 4322        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                        | 4321        |
| 19. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                        | 8121        |
| 20. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                            | 8129        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                              | 4659        |
| 22. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                               | 3811        |
| 23. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                     | 3812        |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                      | 4663        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/01/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085014249

Ngày cấp: 03/08/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hương Đình, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hương Đình, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085014249

Ngày cấp: 03/08/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hương Đình, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hương Đình, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội